

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**Về việc điểm chuẩn kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021**

Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thông báo điểm chuẩn thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ kỳ thi ngày 24, 25, 26/9/2021, cụ thể như sau:

| TT | Ngành   | Chuyên ngành                            | Điểm chuẩn | Ghi chú |
|----|---------|-----------------------------------------|------------|---------|
| 1  | Toán    | Đại số và lý thuyết số                  | 13.50      |         |
| 2  |         | Hình học và tô pô                       | 12.00      |         |
| 3  |         | Lý luận và PPDH bộ môn toán             | 11.00      |         |
| 4  |         | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học | 10.50      |         |
| 5  |         | Toán giải tích                          | 11.00      |         |
| 6  |         | Toán ứng dụng                           | 13.25      |         |
| 7  | Vật lý  | Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý           | 10.00      |         |
| 8  |         | Vật lý chất rắn                         | 11.00      |         |
| 9  |         | Vật lý Lý thuyết và vật lý Toán         | 11.00      |         |
| 10 | Hoá học | Hoá hữu cơ                              | 10.00      |         |
| 11 |         | Hoá Lý thuyết và Hóa lý                 | 10.00      |         |
| 12 |         | Hoá phân tích                           | 10.00      |         |
| 13 |         | Hoá vô cơ                               | 10.00      |         |
| 14 |         | Lý luận và PPDH bộ môn Hoá học          | 10.00      |         |
| 15 |         | Hóa môi trường                          | 10.00      |         |

| <i>TT</i> | <i>Ngành</i> | <i>Chuyên ngành</i>                      | <i>Điểm chuẩn</i> | <i>Ghi chú</i>                                                 |
|-----------|--------------|------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------|
| 16        | Sinh học     | Di truyền học                            | 11.00             |                                                                |
| 17        |              | Động vật học                             | 11.00             |                                                                |
| 18        |              | Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học          | 13.00             |                                                                |
| 19        |              | Sinh học thực nghiệm                     | 11.00             |                                                                |
| 20        |              | Sinh thái học                            |                   |                                                                |
| 21        |              | Vì sinh học                              |                   |                                                                |
| 22        |              | Thực vật học                             | 11.00             |                                                                |
| 23        | SPKT         | LL và PPDH bộ môn kỹ thuật công nghiệp   | 12.00             |                                                                |
| 24        | Ngữ văn      | Hán Nôm                                  | 10.50             |                                                                |
| 25        |              | Ngôn ngữ học                             | 10.50             |                                                                |
| 26        |              | Lý luận và PPDH bộ môn Văn và Tiếng Việt | 12.25             |                                                                |
| 27        |              | Lý luận văn học                          | 10.50             |                                                                |
| 28        |              | Văn học dân gian                         | 10.50             |                                                                |
| 29        |              | Văn học nước ngoài                       | 10.50             |                                                                |
| 30        |              | Văn học Việt Nam                         | 10.50             |                                                                |
| 31        | Lịch sử      | Lịch sử thế giới                         | 12.00             | Học viên học một phần chương trình đào tạo cùng khoá tiếp theo |
| 32        |              | Lịch sử Việt Nam                         | 12.00             |                                                                |
| 33        |              | Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử           | 12.00             |                                                                |
| 34        | Địa lý       | Địa lý học                               | 12.00             | Học viên học một phần chương trình đào tạo cùng khoá tiếp theo |
| 35        |              | Địa lý tự nhiên                          | 12.00             | Học viên học một phần chương trình đào tạo cùng khoá tiếp theo |
| 36        |              | Lý luận và PPDH bộ môn Địa lý            | 12.00             |                                                                |
| 37        |              | Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý  |                   |                                                                |

| <i>TT</i> | <i>Ngành</i>        | <i>Chuyên ngành</i>                        | <i>Điểm chuẩn</i> | <i>Ghi chú</i>                                                 |
|-----------|---------------------|--------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------|
| 38        | Tâm lý giáo dục     | Giáo dục học                               |                   |                                                                |
| 39        |                     | Giáo dục học (GDH đại học)                 |                   |                                                                |
| 40        |                     | Tâm lý học                                 | 12.00             | Học viên học một phần chương trình đào tạo cùng khoá tiếp theo |
| 41        |                     | Tâm lý học (Tâm lý học trường học)         | 12.00             |                                                                |
| 42        |                     | Giáo dục và phát triển cộng đồng           | 12.00             |                                                                |
| 43        | Quản lý giáo dục    | Quản lý giáo dục                           | 11.00             |                                                                |
| 44        | Giáo dục tiểu học   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)           | 11.00             |                                                                |
| 45        | Giáo dục mầm non    | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)            | 11.00             |                                                                |
| 46        | LLCT-GDCD           | LL và PPDH bộ môn giáo dục chính trị       | 11.00             |                                                                |
| 47        | Triết học           | Triết học                                  | 12.00             |                                                                |
| 48        | Công nghệ thông tin | Khoa học máy tính                          | 10.50             |                                                                |
| 49        |                     | Hệ thống thông tin                         |                   |                                                                |
| 50        |                     | LL và PPDH bộ môn Tin học                  | 11.00             |                                                                |
| 51        | Giáo dục thể chất   | Giáo dục thể chất                          | 11.00             | Học viên học một phần chương trình đào tạo cùng khoá tiếp theo |
| 52        | Giáo dục đặc biệt   | Giáo dục đặc biệt                          | 12.00             |                                                                |
| 53        | Việt Nam học        | Việt Nam học                               | 12.00             |                                                                |
| 54        | Công tác xã hội     | Công tác xã hội                            | 11.00             |                                                                |
| 55        |                     | Công tác xã hội (Quản trị CTXH trường học) |                   |                                                                |
| 56        | Tiếng Anh           | Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh           | 11.00             |                                                                |
| 57        | Nghệ Thuật          | Lý luận và PPDH bộ môn Mỹ thuật            |                   |                                                                |

**Nơi nhận:**

- Thông báo trên Website;
- Lưu: VT, SDH.

**TM. HỘI ĐỒNG**  
**CHỦ TỊCH**  
**(Đã ký)**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI**  
**GS.TS Nguyễn Văn Minh**